BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Số: 9777/QĐ-CĐGTVTTW V

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khoá tuyển sinh năm 2017, 2018 trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích luỹ MĐ hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CĐGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản số 976/BB-CĐGTVTTW V họp ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017, 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho **34** sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017 và **28** sinh viên khóa tuyển sinh 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

1. Ngành, nghề Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas-01 sinh viên

CĐ17QG1: 01 sinh viên (01 Khá)

2. Ngành, nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)-04 sinh viên

CĐ17T1: 01 sinh viên

CĐ18T1: 03 sinh viên (03 Khá)

3. Ngành, nghề CNKT Cơ khí-02 sinh viên

CĐ17CK1: 02 sinh viên (02 Khá)

4. Ngành, nghề Chế tạo thiết bị cơ khí-03 sinh viên

CĐ17CT1: 02 sinh viên (02 Khá)

CĐ18CT1: 01 sinh viên (01 Khá)

5. Ngành, nghề Điện công nghiệp-03 sinh viên

CĐ18ĐC1: 03 sinh viên (01 Giỏi, 02 Khá)

6. Ngành, nghề Xây dựng cầu đường bộ-02 sinh viên

CĐ18XB1: 02 sinh viên (02 Khá)

7. Ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng– 04 sinh viên

CĐ18XD1: 01 sinh viên (01 Khá)

CĐ18XD2: 03 sinh viên (01 Giỏi, 02 Khá)

8. Ngành, nghề Kế toán doanh nghiệp - 01 sinh viên

CĐ18KD1: 01 sinh viên (01 Khá)

9. Ngành, nghề Công nghệ ô tô - 42 sinh viên

CĐ17CÔ1: 02 sinh viên (02 Khá)

CĐ17CÔ2: 15 sinh viên (08 Khá)

CĐ17CÔ4: 02 sinh viên (01 Khá)

CĐ17CÔ5: 01 sinh viên (01 Khá)

CĐ18CÔ1: 02 sinh viên (01 Giỏi, 01 Khá)

CĐ18CÔ2: 05 sinh viên (04 Khá)

CĐ18CÔ6: 02 sinh viên

CĐ18CÔ7: 01 sinh viên

CĐ17CÔ6: 01 sinh viên

CĐ17CÔ7: 02 sinh viên (02 Khá)

CĐ17CÔ8: 03 sinh viên

CĐ17CÔ9: 02 sinh viên (01 Khá)

CĐ18CÔ9: 01 sinh viên (01 Khá)

CĐ18CÔ10: 01 sinh viên

CĐ18CÔ11: 02 sinh viên (02 Khá)

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động -Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng công tác HSSV, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

ThS. Đoàn Việt Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2017, 2018 TỐT NGHIỆP THÁNG 10/2021

(Kèm theo Quyết định số: 977 /QĐ-CĐGTVTTWV ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH XĂNG DẦU VÀ GAS - LỚP CĐ17QG1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176340415102	Nguyễn Văn	Tiếu	22/02/1999	Nam	Quảng Bình	70	Khá	97	97	29	2.64	Khá	

II. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM) (04 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ17T1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176480202136	Triệu Thanh	Tùng	25/8/1999	Nam	Kon Tum	72	Khá	104	104	12	2.44	Trung bình	

2. LỚP CĐ18T1 (03 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186480202105	Đặng Văn Thành	Điệp	27/11/2000	Nam	Quảng Ngãi	76	Khá	77	77	1	3.25	Khá	
2	186480202119	Nguyễn Thới	Đông	14/06/2000	Nam	Quảng Ngãi	75	Khá	77	77	1	3.08	Khá	
3	186480202117	Trần Hoàng Quốc	Việt	17/02/2000	Nam	Quảng Ngãi	81	Tốt	77	77	2	3.06	Khá	

III. NGÀNH, NGHỀ CNKT CƠ KHÍ - LỚP CĐ17CK1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510201142	Trần Nguyên	Tài	24/8/1999	Nam	Quảng Nam	75	Khá	97	97	4	2.98	Khá	
2	176510201123	Nguyễn Hữu	Lại	16/9/1999	Nam	Quảng Ngãi	74	Khá	97	97	3	2.86	Khá	

IV. NGÀNH, NGHỀ CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ (03 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ17CT1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510201201	Lý Văn	Bé	12/4/1998	Nam	Đăk Nông	82	Tốt	101	101	0	3.27	Giỏi	
2	176510201202	Vi Văn	Cao	01/11/1999	Nam	Đăk Nông	81	Tốt	101	101	0	3.14	Khá	

2. LỚP CĐ18CT1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186520104114	Rah Lan	Siêm	03/11/1999	Nam	Gia Lai	81	Tốt	78	78	2	2.77	Khá	

V. NGÀNH, NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP-LỚP CĐ18DC1 (03 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186520227140	Lê Đỗ Văn	Toàn	01/01/1997	Nam	Quảng Nam	77	Khá	78	78	0	3.35	Giỏi	
2	186520227139	Trần Thị Thảo	Nguyên	05/10/1981	Nữ	Quảng Nam	78	Khá	78	78	6	2.87	Khá	
3	186520227205	Lê Võ Như	Thắng	19/12/2000	Nam	Đà Nẵng	75	Khá	78	78	1	2.80	Khá	

VI. NGÀNH, NGHỀ XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG BỘ-LỚP CĐ18XB1 - (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186580205106	Võ Văn	Đức	04/11/2000	Nam	Kon Tum	81	Tốt	77	77	2	3.15	Khá	
2	186580205107	Trần Hải	Dương	10/01/2000	Nam	Nghệ An	75	Khá	77	77	1	2.65	Khá	

VII. NGÀNH, NGHỀ CNKT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (04 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ18XD1 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510104120	Nguyễn Văn	Tuấn	08/01/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	80	80	2	2.82	Khá	

2. LỚP CĐ18XD2 - 03 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510104201	Huỳnh Nguyễn Hồng	Cường	03/02/1997	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	80	80	0	3.27	Giỏi	
2	186510104209	Nguyễn Hùng	Phát	08/09/2000	Nam	Bình Định	81	Tốt	80	80	2	2.87	Khá	
3	186510216664	Nguyễn Minh	Duy	03/03/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	80	80	3	2.81	Khá	

VIII. NGÀNH, NGHỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP -LỚP CĐ18KD1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186340302107	Hồ Thị	Sao	10/08/2000	Nữ	Quảng Trị	72	Khá	83	83	5	2.54	Khá	

IX. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ (42 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ17CÔ1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216150	Tống Xuân	Thanh	07/5/1998	Nam	Gia Lai	72	Khá	102	102	11	2.57	Khá	
2	176510216123	Hoàng Văn	Huy	15/5/1999	Nam	Kon Tum	72	Khá	102	102	14	2.55	Khá	

2. LỚP CĐ17CÔ2 (15 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216224	Lê Thất	Quân	04/8/1999	Nam	Đà Nẵng	82	Tốt	102	102	8	2.99	Khá	
2	176510216227	Đặng Quốc	Sang	24/8/1999	Nam	Kon Tum	79	Khá	102	102	4	2.75	Khá	
3	176510216230	Phạm Văn	Thành	26/5/1999	Nam	Gia Lai	76	Khá	102	102	7	2.58	Khá	
4	176510216242	Phạm Đình	Tỵ	25/6/1999	Nam	Quảng Nam	75	Khá	102	102	7	2.58	Khá	
5	176510216211	Lê Đình	Khương	13/8/1999	Nam	Quảng Nam	74	Khá	102	102	6	2.54	Khá	
6	176510216213	Nguyễn Khắc	Lâm	20/9/1999	Nam	Quảng Trị	73	Khá	102	102	7	2.54	Khá	
7	176510216233	Nguyễn Thành	Tín	12/8/1999	Nam	Quảng Nam	74	Khá	102	102	14	2.53	Khá	
8	176510216207	Tống Đức	Duy	11/7/1999	Nam	Gia Lai	75	Khá	102	102	11	2.51	Khá	
9	176510216212	Nguyễn Hữu Khánh	Lâm	02/9/1997	Nam	Quảng Trị	75	Khá	102	102	7	2.46	Trung bình	
10	176510216219	Hồ Viết	Nhật	08/3/1999	Nam	Quảng Nam	73	Khá	102	102	14	2.46	Trung bình	
11	176510216235	Bùi Thanh	Toàn	20/5/1999	Nam	Quảng Ngãi	71	Khá	102	102	19	2.42	Trung bình	
12	176510216206	Cao Thành	Được	18/01/1999	Nam	Gia Lai	73	Khá	102	102	21	2.41	Trung bình	
13	176510216236	Hoàng Công	Trí	26/8/1997	Nam	Quảng Trị	72	Khá	102	102	11	2.41	Trung bình	
14	176510216225	Trương Đình	Quý	01/01/1999	Nam	Quảng Nam	75	Khá	102	102	18	2.36	Trung bình	
15	176510216226	Nguyễn Duy	Quyền	05/10/1999	Nam	Thanh Hóa	73	Khá	102	102	4	2.34	Trung bình	

3. LỚP CĐ17CÔ4 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216401		A Khách	04/8/1997	Nam	Kon Tum	75	Khá	102	102	10	2.61	Khá	
2	176510216421	Trương Đình	Hoàng	22/4/1999	Nam	Quảng Bình	78	Khá	102	102	17	2.34	Trung bình	

4. LỚP CĐ17CÔ5 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216525	KPă	Luễn	12/02/1998	Nam	Gia Lai	77	Khá	102	102	0	3.16	Khá	

5. LỚP CĐ17CÔ6 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216602	Trần Quốc	Bảo	20/3/1999	Nam	Quảng Nam	79	Khá	102	102	10	2.41	Trung bình	

6. LỚP CĐ17CÔ7 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216724	Nguyễn Ngọc	Lâm	16/9/1999	Nam	Quảng Bình	78	Khá	102	102	4	2.91	Khá	
2	176510216701	Nguyễn Ngọc	Bảo	12/02/1999	Nam	Quảng Nam	73	Khá	102	102	8	2.69	Khá	

7. LỚP CĐ17CÔ8 (03 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216546	Trần Văn	Thi	11/6/1999	Nam	Đà Nẵng	71	Khá	102	102	11	2.35	Trung bình	
2	176510216549	Nguyễn Thành	Tín	16/01/1999	Nam	Quảng Ngãi	71	Khá	102	102	7	2.35	Trung bình	
3	176510216545	Phạm Văn	Thành	28/7/1999	Nam	Quảng Ngãi	70	Khá	102	102	9	2.30	Trung bình	

8. LỚP CĐ17CÔ9 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	176510216356	Hồ Ngọc	Tuấn	04/12/1999	Nam	Quảng Trị	73	Khá	102	102	6	2.53	Khá	
2	176510216350	Ngô Xuân	Tiến	02/11/1999	Nam	Gia Lai	74	Khá	102	102	8	2.47	Trung bình	

9. LỚP CĐ18CÔ1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216123	Nguyễn Văn	Hùng	30/5/1998	Nam	Đắk Lắk	81	Tốt	79	79	0	3.22	Giỏi	
2	186510216129	Đam Văn	Lành	12/8/2000	Nam	Đắk Lắk	80	Tốt	79	79	0	2.74	Khá	

10. LỚP CĐ18CÔ2 (05 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216202	Trương Phú	Bảo	09/6/2000	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	79	79	1	2.76	Khá	
2	186510216250	Nguyễn Vũ Minh	Tuấn	28/3/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	1	2.76	Khá	
3	186510216234	Nguyễn Thành	Sơn	29/9/1998	Nam	Đắk Lắk	80	Tốt	79	79	1	2.65	Khá	
4	186510216230	Lê Hữu Phú	Phát	09/4/2000	Nam	Đà Nẵng	77	Khá	79	79	4	2.53	Khá	
5	186510216209	Trần Văn	Hải	06/5/1999	Nam	Quảng Nam	77	Khá	79	79	8	2.20	Trung bình	

11. LỚP CĐ18CÔ6 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216602	Phạm Văn	Bảo	04/9/2000	Nam	Quảng Nam	79	Khá	79	79	0	2.48	Trung bình	
2	186510216605	Huỳnh Minh	Đạt	16/5/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	0	2.45	Trung bình	

12. LỚP CĐ18CÔ7 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216708	Huỳnh Quốc	Hiếu	12/7/2000	Nam	Quảng Nam	78	Khá	79	79	2	2.30	Trung bình	

13. LỚP CĐ18CÔ9 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216143	Phan Công	Sang	20/7/2000	Nam	Hà Tĩnh	81	Tốt	79	79	0	2.89	Khá	

14. LỚP CĐ18CÔ10 (01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216748	Trương Đình Văn	Lưu	23/3/2000	Nam	Quảng Trị	74	Khá	79	79	4	2.39	Trung bình	

15. LỚP CĐ18CÔ11 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
							DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích luỹ	Số MH/MĐ Thi lại	TBC TL		
1	186510216270	Đỗ Văn	Long	14/02/2000	Nam	Quảng Nam	80	Tốt	79	79	0	2.73	Khá	
2	186510216272	Nguyễn Đăng	Trường	11/02/2000	Nam	Quảng Nam	81	Tốt	79	79	3	2.86	Khá	